

Số: 07/2009/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 06 tháng 02 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**V/v quy định mức thu, nộp, tỷ lệ điều tiết và chế độ quản lý sử dụng
Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí-lệ phí, Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP và Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/5/2008 về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 67/2008/TT-BTC ngày 21/7/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/5/2008 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2008/NQ-HĐND ngày 11/12/2008 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, tỷ lệ điều tiết và chế độ quản lý sử dụng Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và chất thải rắn; phí thoát nước trên địa bàn thành phố Đà Lạt; tỷ lệ thu Lệ phí trước bạ đối với ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Theo đề nghị của Liên ngành: Sở Tài chính - Cục Thuế - Sở Tư pháp tại Tờ trình số 89/TTr-LN ngày 13/01/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, tỷ lệ điều tiết và chế độ quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (có Phụ biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký; các mức thu, nộp, tỷ lệ điều tiết và chế độ quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Giao Sở Tài chính, Cục Thuế hướng dẫn các đơn vị và các địa phương về biên lai, ấn chỉ; chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Bảo Lộc, thành phố Đà Lạt; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Huỳnh Đức Hòa

**MỨC THU, TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT, CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ SỬ DỤNG
PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*(Kèm theo Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND
ngày 06/02/2009 của UBND tỉnh Lâm Đồng)*

1. Đối tượng chịu phí: Là đá, sỏi, cát, đất, than, nước khoáng thiên nhiên, quặng khoáng sản kim loại.

2. Đối tượng nộp phí: Là các cá nhân, tổ chức trên địa bàn toàn tỉnh Lâm Đồng có hoạt động khai thác các loại khoáng sản chịu phí quy định tại Điều 1 trên đây.

3. Cơ quan thu phí: Cơ quan Thuế địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

4. Mức thu Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản:

STT	Loại khoáng sản	ĐVT	Mức thu (đồng)
1	Đá:		
a	Đá ốp lát, mỹ nghệ (granít, gabro, đá hoa...)	m ³	50.000
b	Quặng đá quý (saphia, emmôrôt, opan quý màu đen, topaz, thạch anh tinh thể...)	tấn	35.000
c	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	1.000
d	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp)	m ³	2.000
2	Sỏi, cuội, sạn	m ³	4.000
3	Cát:		
a	Cát xây, cát tô, cát đúc	m ³	2.100
b	Các loại cát khác	m ³	1.400
4	Đất:		
a	Đất sét làm gạch ngói	m ³	1.500
b	Đất cao lanh	m ³	5.000
c	Các loại đất khác	m ³	1.000
5	Than		
a	Than bùn	tấn	2.000
b	Các loại than khác	tấn	2.800
6	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.000
7	Quặng khoáng sản kim loại		
a	Quặng sắt	tấn	28.000
b	Quặng chì	tấn	180.000
c	Quặng kẽm	tấn	180.000
d	Quặng bô xít	tấn	21.000
đ	Quặng thiếc	tấn	126.000
e	Quặng cromit	tấn	40.000
f	Quặng khoáng sản kim loại khác	tấn	10.000

5. Quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản:

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 1 - Điều 6 - Nghị định số 63/2008NĐ-CP ngày 13/5/2008 của Chính phủ./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Huỳnh Đức Hòa